

(v/v: Giải trình chênh lệch BCTC
riêng và báo cáo hợp nhất quý IV/2021).

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Căn cứ theo quy định tại thông tư 96/2020/TT-BTC về công bố thông tin, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng và báo cáo hợp nhất quý IV/2021 như sau:

Báo cáo tài chính riêng:

CHỈ TIÊU	Quý IV.2021	Quý IV.2020	Chênh lệch	% chênh lệch
	VND	VND	VND	%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	704.529.269.691	527.438.711.106	177.090.558.585	33,6%
Giá vốn hàng bán	619.096.547.770	491.589.014.295	127.507.533.475	25,9%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	85.432.721.921	35.849.696.811	49.583.025.110	138,3%
Doanh thu hoạt động tài chính	51.342.908.116	30.627.630.358	20.715.277.758	67,6%
Chi phí tài chính	57.224.717.787	26.570.951.394	30.653.766.393	115,4%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>53.757.938.562</i>	<i>24.505.725.138</i>	<i>29.252.213.424</i>	<i>119,4%</i>
Chi phí bán hàng	21.767.091.232	19.339.482.681	2.427.608.551	12,6%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	48.515.101.100	16.401.767.603	32.113.333.497	195,8%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9.268.719.918	4.165.125.491	5.103.594.427	122,5%
Thu nhập khác	83.994.212	1.374.844.970	(1.290.850.758)	-93,9%
Chi phí khác	2.078.019.845	890.056.642	1.187.963.203	133,5%
Lợi nhuận khác	(1.994.025.633)	484.788.328	(2.478.813.961)	-511,3%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.274.694.285	4.649.913.819	2.624.780.466	56,4%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.535.676.054	-	2.535.676.054	0,0%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.739.018.231	4.649.913.819	89.104.412	1,9%

Báo cáo tài chính hợp nhất:

CHỈ TIÊU	Quý IV.2021	Quý IV.2020	Chênh lệch	% chênh lệch
	VND	VND	VND	%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.979.828.893.143	968.852.062.676	1.010.976.830.467	104%
Giá vốn hàng bán	1.650.914.696.480	806.602.920.046	844.311.776.434	105%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	328.914.196.663	162.249.142.630	166.665.054.033	102,7%
Doanh thu hoạt động tài chính	71.152.587.567	86.226.821.841	(15.074.234.274)	-17%
Chi phí tài chính	177.872.326.795	99.321.021.679	78.551.305.116	79%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>169.544.899.267</i>	<i>95.831.270.465</i>	<i>73.713.628.802</i>	<i>77%</i>
Lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên	2.167.528.738	2.731.595.957	(564.067.219)	-21%
Chi phí bán hàng	118.352.115.996	62.138.970.614	56.213.145.382	90%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	142.339.785.765	89.216.051.008	53.123.734.757	60%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(36.329.915.588)	531.517.127	(36.861.432.715)	-6935,1%
Thu nhập khác	52.032.854.177	2.340.753.578	49.692.100.599	2123%
Chi phí khác	3.766.110.203	2.109.424.071	1.656.686.132	79%
Lợi nhuận khác	48.266.743.974	231.329.507	48.035.414.467	20764,9%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.936.828.386	762.846.634	11.173.981.752	1464,8%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.807.601.562	4.528.732.355	5.278.869.207	117%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(5.812.447.579)	(4.096.952.580)	(1.715.494.999)	42%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.941.674.403	331.066.859	7.610.607.544	2298,8%

Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo riêng quý IV/2021 tăng nhẹ 89 triệu so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu thuần tăng khoảng 177 tỷ, chi phí cũng tăng do ảnh hưởng của dịch Covid, cụ thể là



các chi phí phòng chống dịch bệnh, hỗ trợ khách hàng, chi phí lưu kho, chi phí logistic đều bị gia tăng so với năm trước.

Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo hợp nhất quý IV/2021 tăng 7.9 tỷ so với cùng kỳ năm trước, trong khi doanh thu thuần tăng 1.011 tỷ, do gia tăng quy mô hợp nhất, tuy nhiên biên lợi nhuận giảm đến từ ảnh hưởng trực tiếp của đại dịch Covid: giá nguyên vật liệu tăng, các chi phí logistic tăng, chia sẻ lợi nhuận để hỗ trợ các hoạt động chống dịch như miễn giảm giá nước, ủng hộ phòng chống dịch bệnh...

Nay Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai xin giải trình với Ủy Ban Chứng Khoán, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và các nhà Đầu tư được rõ.

Trân trọng kính chào!

Ngày 28 tháng 01 năm 2022

